

Công nghiệp hóa và phát triển kinh tế tri thức: một số đặc điểm và tác động việc làm

Nguyễn Thị Thu Trà

NCS. Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích đối với các nước đang phát triển, công nghiệp hóa được xem là con đường tất yếu mà những nước này phải đi qua nhằm đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu của một nền kinh tế chủ yếu dựa vào ngành nông nghiệp truyền thống để trở thành một nước công nghiệp, phát triển. Vì thế, công nghiệp hóa là quá trình tạo sự chuyển biến từ nền kinh tế nông nghiệp với nền kinh tế lạc hậu, dựa trên lao động thủ công, năng suất thấp sang nền kinh tế công nghiệp với cơ cấu kinh tế hiện đại, dựa trên lao động sử dụng bằng máy móc, tạo ra năng suất lao động cao.

Từ khóa: công nghiệp hóa, kinh tế tri thức, tác động việc làm

Cho đến trước những năm 1980 của thế kỷ trước, CNH ở các nước đang phát triển về cơ bản được tiến hành trong khuôn khổ của thời đại kinh tế công nghiệp. Tuy nhiên, với sự xuất hiện của kinh tế tri thức, một thời đại kinh tế mới đã được mở ra trong nền kinh tế thế giới. Điều đó đã tạo ra một bối cảnh mới, hoàn toàn khác đối với quá trình CNH ở các nước đang phát triển. Nó tác động sâu sắc đến nội dung, cách thức và các bước đi của tiến trình CNH ở các nước này, khiến cho tiến trình này mang những sắc thái. Đến lượt mình, các xu hướng việc làm cũng không khỏi bị ảnh hưởng.

1. Đặc điểm của CNH, HĐH gắn với phát triển KTTT

“Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, truyền bá và sử dụng tri thức là động lực chủ yếu nhất của sự tăng trưởng, tạo ra của cải, việc làm trong tất cả các ngành kinh tế” (Ngô Quý Tùng 2001). Điều đó có nghĩa là, trong thời đại kinh tế tri thức, tri thức nổi lên như một nguồn lực số một, quyết định và chi phối các nguồn lực khác trong quá trình tạo ra hàng hóa, dịch vụ. Hiện trạng này bộc lộ rõ nhất ở các nước phát triển, đặc biệt là Mỹ.

Tuy nhiên, như một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra, “kinh tế tri thức về bản chất là nền kinh tế mang tính chất toàn cầu” (Phí Mạnh Hồng 2016). Vì thế, tuy các nước đang tiến hành CNH chưa hoàn thành các nhiệm vụ phát triển mà thời đại kinh tế công nghiệp quy định, sự phát triển của các nước này vẫn bị quy định bởi các yếu tố có tính thời đại. Biểu hiện rõ rệt nhất là: muốn phát triển, các nước này buộc phải tích cực hội nhập vào nền kinh tế thế giới, nỗ lực tham gia vào hệ thống phân công lao động quốc tế, chấp nhận các quy tắc, luật lệ trong cuộc chơi kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, CNH, HĐH ở các nước này sẽ có những đặc điểm mới:

- CNH giờ đây mang đậm nét và nghiêng hẳn về

khía cạnh HĐH, mà thực chất là “tri thức hóa” toàn bộ các quá trình kinh tế: CNH truyền thống tập trung vào bước chuyển từ phương thức sản xuất chủ yếu dựa trên kỹ thuật thủ công sang phương thức sản xuất công nghiệp chủ yếu dựa trên kỹ thuật máy móc, cơ khí. Ở bối cảnh hiện nay, CNH không còn đơn giản là sự lan tỏa các phương pháp sản xuất công nghiệp (với trọng tâm là quá trình cơ giới hóa) ra toàn bộ nền kinh tế. Nó càng ngày càng phải dựa nhiều hơn vào việc ứng dụng các thành tựu KH và CN hiện đại. Các phương tiện và công nghệ của thời đại kinh tế tri thức (internet, các công nghệ truyền thông-thông tin hiện đại, công nghệ sinh học, vật liệu mới...), dù được phát minh ở bên ngoài song cũng sẽ được nhanh chóng áp dụng trong hầu khắp các ngành kinh tế. Không chỉ công nghiệp mà nông nghiệp hay các ngành dịch vụ cũng sẽ được hiện đại hóa, tri thức hóa dựa trên sự kết nối thông tin đa tầng và ứng dụng những thành tựu công nghệ mới. Vì thế, cốt lõi của CNH hiện nay là hiện đại hóa, tri thức hóa

- Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong CNH sẽ diễn ra nhanh hơn, mang lại cơ hội lớn hơn cho phương thức CNH rút ngắn: Trong thời đại kinh tế tri thức, các quá trình kinh tế diễn ra nhanh hơn, với tốc độ cao hơn. Điều đó bị quy định bởi tốc độ sản sinh rất nhanh của các tri thức và công nghệ mới. Cạnh tranh ngày càng dựa vào tốc độ: áp dụng công nghệ mới nhanh, đưa ra sản phẩm mới nhanh, giao hàng nhanh. Sáng tạo và đổi mới không ngừng trở thành vũ khí cạnh tranh của các doanh nghiệp. Đặt trong bối cảnh mở cửa, hội nhập điều này cũng chi phối hành vi và phương thức kinh doanh của các doanh nghiệp ở các nước đang CNH. Một mặt, các nước đang phát triển giờ đây có thể tận dụng được các “lợi thế của người đi sau” để bỏ qua những công nghệ trung gian và tiến thẳng vào khu vực công nghệ hiện đại. Mặt khác, quan trọng hơn, các nước này sẽ tận dụng được các lợi thế do thời đại kinh tế tạo ra nhờ: 1) khai thác

và tận dụng các nguồn lực (vốn, tri thức, công nghệ...) sẵn có, để lưu chuyển từ bên ngoài. So với trước đây, cơ hội này lớn hơn bao giờ hết; 2) chi phí chuyển đổi thấp trong việc biến các ngành nghề hay khu vực kinh tế truyền thống thành các ngành nghề, khu vực kinh tế hiện đại.

- Quá trình CNH, HĐH gắn liền với toàn cầu hóa, do đó hội nhập quốc tế được xem như một kênh hay cách thức CNH một cách hiệu quả: Như đã nói, kinh tế tri thức dựa trên nền tảng của cuộc cách mạng KH-CN hiện đại, cho phép hầu hết các nguồn lực kinh tế, đặc biệt là tri thức dễ dàng di chuyển trên không gian toàn cầu và kết nối các nền kinh tế quốc gia thành một nền kinh tế toàn cầu. Toàn cầu hóa, dù vẫn bị các rào cản và trở lực khác nhau ngăn cản, vẫn trở thành một xu hướng nổi trội của kinh tế tri thức. Trong điều kiện đó, để phát triển và tận dụng được các cơ hội do thời đại mới mang lại, các nước cần phải mở cửa, hội nhập để trở thành một bộ phận hữu cơ của nền kinh tế thế giới. Thông qua các kênh thương mại và đầu tư quốc tế, hoạt động kinh tế các nước có thể trở nên hiệu quả hơn, song cũng phụ thuộc ngày càng sâu vào nhau hơn. Dựa trên hệ thống phân công lao động và sản xuất quốc tế, các nước đang CNH giờ đây không phải phát triển đầy đủ các ngành cả ở 2 khu vực I và II như kiểu CNH truyền thống trước đây. Trong điều kiện toàn cầu hóa, việc mở cửa và hội nhập quốc tế sẽ làm thay đổi nội dung của chiến lược phát triển các ngành kinh tế của các nước đang trong quá trình CNH.

- Các tiến trình và bước đi CNH, HĐH có thể diễn ra theo nhiều cách thức khác nhau, bao gồm cả những bước đi đột phá, nhảy vọt mà không nhất thiết phải tuân thủ quy tắc phát triển tuần tự, với cơ cấu kinh tế "hoàn chỉnh" theo kiểu truyền thống: CNH theo kiểu truyền thống thường bắt đầu với việc phát triển những ngành công nghiệp nhẹ cung cấp các hàng hóa thiết yếu cho đại đa số người dân có thu nhập thấp, với công nghệ sản xuất tương đối giản đơn, đòi hỏi ít vốn (như các ngành chế biến thực phẩm, dệt may). Sau đó, nhờ quá trình tích lũy vốn và năng lực công nghệ, các ngành chế biến sâu hơn (ví dụ các ngành sản xuất ô tô, tủ lạnh), cũng như các ngành công nghiệp nặng (cơ khí, luyện kim, hóa chất...) mới được lần lượt phát triển. Tuy nhiên, lộ gic tuần tự theo kiểu như vậy không còn đúng hoặc nhất thiết giữ nguyên trong tiến trình CNH với bối cảnh kinh tế tri thức, toàn cầu hóa. Về nguyên tắc, nhờ việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, một nước kém phát triển vẫn có thể phát triển được các ngành công nghiệp chế biến sâu, hay các ngành công nghiệp nặng thâm dụng vốn, bất chấp sự tích lũy vốn trong nước còn hạn chế, miễn là điều này là hợp lý và hiệu quả xét trong phạm vi các chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Những đặc điểm như vậy chắc chắn sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các xu hướng trong lĩnh vực lao động, việc làm cũng như cách thức giải quyết việc làm ở các

nước đang CNH.

2. Tác động của CNH và phát triển KTTT đến xu hướng việc làm

Sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế trong quá trình CNH, HĐH trong bối cảnh kinh tế tri thức là cơ sở của xu hướng dịch chuyển cơ cấu việc làm trong điều kiện các nước đang phát triển hiện nay. Có thể thấy xu hướng đó bộc lộ ở một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, việc làm và cơ cấu việc làm sẽ biến đổi và dịch chuyển nhanh hơn. Trong bối cảnh mới, nhiều ngành mới sẽ liên tục xuất hiện, đồng thời, nhiều ngành nghề cũ, truyền thống nếu không thích ứng được với hoàn cảnh mới sẽ biến mất. CNH vốn dĩ sẽ tạo ra nhiều việc làm trong khu vực công nghiệp, dịch vụ hiện đại. Tuy nhiên, CNH trong thời đại kinh tế tri thức sẽ tạo ra những việc làm mà trước đây chưa từng có trong thời đại kinh tế công nghiệp và điều đó có thể xuất hiện ngay cả ở những nước nghèo. Đó là những việc làm liên quan đến công nghệ mới kiểu như: lắp ráp, sửa chữa máy vi tính, lập trình, bán hàng online, các hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến công nghệ viễn thông mới hay đến việc sử dụng các điện thoại thông minh của hàng triệu người...v.v...Nhiều việc làm truyền thống (kiểu như một số nghề thủ công truyền thống) biến mất. Tốc độ của sự biến đổi và dịch chuyển việc làm từ khu vực nông nghiệp sang khu vực dịch vụ sẽ diễn ra nhanh hơn. Áp lực của hiện tượng thiếu việc làm trong nông nghiệp nhờ những thay đổi kỹ thuật sản xuất trong khu vực này tỏ ra mạnh hơn và mang lại nhiều thách thức hơn. Tốc độ nhanh hơn trong các biến đổi kinh tế là một thuộc tính của thời đại kinh tế.

Thứ hai, nhu cầu về việc làm đòi hỏi kỹ năng cao sẽ tăng nhanh tương đối so với nhu cầu về việc làm giản đơn, kỹ năng thấp. Điều này, một mặt, sẽ mang lại lợi thế cho những người được đào tạo tốt, có kỹ năng cao, mặt khác, sẽ gây ra sự thiếu hụt nhất định về lao động có kỹ năng cao trong một thời kỳ nào đó, nếu hệ thống giáo dục, đào tạo không được chú trọng phát triển đúng mức, đúng hướng.

Tiến bộ khoa học công nghệ đã làm gia tăng tương đối việc làm cho lao động kỹ thuật, phức tạp và ngược lại, làm giảm một cách tương đối việc làm đối với lao động giản đơn. Quá trình phát triển của mỗi quốc gia ngày nay được cấu trúc lại dựa trên những lợi thế của nguồn lực con người với hàm lượng trí tuệ ngày một tăng. Nhờ có sự tiến bộ khoa học công nghệ mà phần tỷ lệ lao động chân tay kết tinh vào sản phẩm ngày một rõ rệt, hàm lượng lao động "chất xám" kết tinh vào sản phẩm ngày một tăng lên. Chẳng hạn: trong nền kinh tế Mỹ, vào cuối những năm 1990, 93 triệu người, chiếm 80% lượng lao động ở Mỹ làm các công việc chuyển tải, xử lý thông tin hay cung cấp dịch vụ cho người khác (Luu Ngọc Trinh 2002). Nền kinh tế tri thức không những làm xuất hiện nhiều ngành nghề

mới mà còn đòi hỏi người lao động phải không ngừng nâng cao trình độ của mình, vì những lao động đã qua đào tạo này là yếu tố chủ yếu làm tăng năng suất lao động và thúc đẩy đổi mới. Trong thực tế ở Mỹ các nghề nghiệp tri thức đòi hỏi phải tốt nghiệp trung học, chuyên nghiệp và đại học đã tăng từ 27% năm 1983 lên 31% năm 1993 và 35% vào năm 1999. Bởi vậy lao động giản đơn, lao động lành nghề bị thừa ra, thất nghiệp và không tìm được việc làm. Hay trong nền kinh tế ở Australia số việc làm trong ngành công nghệ thông tin đã tăng 46% trong 10 năm qua. Cầu trong các ngành công nghệ thông tin đã tăng 12%/ năm. Trong khoảng 5 năm (2003 -2008) Australia phải vật lộn với sự thiếu hụt các công nhân công nghệ thông tin. Có khoảng 30000 chỗ làm việc ở Australia chưa tìm được công nhân thích hợp và có nhiều cảnh báo tình hình này sẽ còn xấu đi. Bởi vậy, ngành công nghệ thông tin của nước này đã bắt đầu một chương trình cảnh tỉnh quốc gia và đang phát triển “ các trung tâm ưu tú ” để giải quyết sự thiếu hụt các kỹ năng công nghệ cao đang tăng lên (Trần Ngọc Hiền 2014).

Như vậy, quá trình CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức dẫn đến thiếu công nhân tri thức và công nhân lành nghề nên đã mở rộng cơ hội việc làm cho những người có tri thức, được đào tạo phù hợp với hệ thống công nghệ. Sự phát triển của khoa học — công nghệ mang lại nhiều cơ hội để người lao động tạo ra việc làm, phát huy khả năng cống hiến của mình cho xã hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức. Khi đưa khoa học, công nghệ tiến bộ vào sản xuất sẽ làm cho những nước có nguồn lao động giản đơn dư thừa nhưng thiếu lao động phức tạp, có kỹ thuật cao như Việt Nam hiện nay mất đi ưu thế của lao động nhiều giá rẻ.

Thứ ba, cùng với quá trình mở cửa và hội nhập quốc tế, lao động và việc làm ở các ngành truyền thống, không có lợi thế so sánh sẽ gánh chịu nhiều rủi ro và có xu hướng di chuyển sang những ngành có lợi thế so sánh. Tuy nhiên, đây là một quá trình động, tạo ra sự biến đổi không ngừng về cơ cấu lao động, việc làm nếu xét theo dài hạn.

CNH, HĐH trong thời đại kinh tế tri thức là CNH mới, vì thế nó luôn gắn với các hoạt động thương mại quốc tế. Theo xu hướng tự do hóa thương mại, các nước ngày càng phải tập trung vào sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng mà mình có lợi thế so sánh, đồng thời, sản xuất trong nước phải chấp nhận sự cạnh tranh gay gắt từ các hàng hóa nhập khẩu bên ngoài. Trong điều kiện mới, những lao động và việc làm trong những ngành này sẽ phải di chuyển sang những ngành mà đất nước có lợi thế so sánh. Tìm kiếm, xác định đúng lợi thế so sánh, luôn có ý thức nâng cấp lợi thế so sánh quốc gia sẽ phải là một nội dung trong chiến lược phát triển dài hạn của mỗi nước.

Thứ tư, lao động và việc làm ở khu vực dịch vụ tăng nhanh và việc chủ động phát triển khu vực này là một

kênh giải quyết việc làm quan trọng của các nước đang tiến hành CNH. Quá trình CNH thông thường là quá trình tăng dần tỷ trọng của khu vực công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu tổng sản lượng và lao động xã hội, giảm dần tỷ trọng tương ứng của khu vực nông nghiệp, trong đó khu vực công nghiệp thường có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn khu vực dịch vụ. Chỉ khi đạt được trình độ của một nền kinh tế phát triển, “hậu công nghiệp”, khu vực dịch vụ mới là khu vực hàng đầu của nền kinh tế. Đó cũng chính là đặc trưng của nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, do các công nghệ mới kéo theo sự bùng nổ các dịch vụ hỗ trợ hoặc “ăn theo” cũng như do tốc độ của các quá trình dịch chuyển kinh tế trở nên nhanh hơn thời kỳ trước nên ngay cả ở các nước đang phát triển, xu hướng phát triển các ngành, nghề dịch vụ cũng diễn ra nhanh hơn. Sự bùng nổ các dịch vụ bán hàng, quảng cáo, tư vấn, dạy học...trên nền tảng trực tuyến nói lên điều đó. Xu hướng này chứng tỏ tầm quan trọng của khu vực dịch vụ trong việc tạo và giải quyết việc làm gia tăng.

3. Một số cơ hội và thách thức

CNH, HĐH trong bối cảnh kinh tế tri thức đi liền với việc mở cửa, hội nhập quốc tế, do đó, nó sẽ tạo ra những cơ hội và thách thức mới trong quá trình giải quyết việc làm cho người lao động.

+ Cơ hội: Hội nhập quốc tế tạo điều kiện cho các nước đang phát triển huy động được những nguồn lực từ bên ngoài (trong đó quan trọng nhất là vốn và công nghệ tri thức, kinh nghiệm quản lý) để phát triển kinh tế quốc gia, đồng thời, cũng làm cho việc sử dụng các nguồn lực trong nước, kể cả nguồn lực lao động, trở nên hiệu quả hơn. Trong xu thế TCHKT, phân công lao động quốc tế ngày càng sâu sắc. Tham gia vào sự phân công này, người lao động ở các quốc gia đang phát triển có thể phát huy được lợi thế, sử dụng có hiệu quả các năng lực của bản thân, nâng cao hiệu quả của cả nền kinh tế.

Việc tham gia vào quá trình TCHKT giúp cho các nước đang phát triển nhanh chóng tiếp cận được thông tin, tri thức mới, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực. Người lao động cũng có cơ hội và buộc phải tiếp cận đến các tiêu chuẩn, chuẩn mực lao động quốc tế, nhờ đó có khả năng nâng cấp năng lực và cơ hội việc làm cho mình.

Hội nhập quốc tế còn tạo nên dòng di chuyển lao động trong nước và quốc tế: Những cơ hội việc làm được tạo ra trong hợp đồng FDI, nhất là ở các khu công nghiệp và khu chế xuất, sự trả công hấp dẫn hơn đã tạo nên dòng di chuyển lao động trong nước từ vùng nông thôn ra thành thị, từ khu vực nông nghiệp chuyển đến khu công nghiệp, từ nơi có thu nhập thấp hơn đến nơi có thu nhập cao hơn. Ngoài ra, thông qua việc xuất khẩu lao động hoặc di cư quốc tế, người lao động ở các nước đang phát triển có cơ hội tìm được

việc làm được trả công cao hơn ở bên ngoài.

+ Thách thức: CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức cũng tạo ra nhiều thách thức đối với người lao động. Người lao động phải có năng lực cạnh tranh toàn cầu và bắt nhịp với xu thế phát triển trong thế giới hiện đại, nếu không sẽ khó khăn tham gia hòa nhập vào nền kinh tế thế giới. Trên thực tế, họ phải cạnh tranh việc làm với các chuyên gia, những lao động có chuyên môn, kỹ năng cao đến từ nước ngoài (ở giai đoạn đầu, sự cạnh tranh này là động lực quan trọng cho sự phát triển thị trường lao động CMKT cao ở các nước đang CNH). Sự cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước thậm chí có thể xảy ra trong các công đoạn việc làm chỉ đòi hỏi lao động kỹ năng thấp (ví dụ: lao động Trung Quốc cạnh tranh lao động Việt Nam trong các dự án FDI có vốn từ Trung Quốc). Khi làm việc ở nước ngoài, thông qua kênh xuất khẩu lao động hay di dân, người lao động cũng phải cạnh tranh việc làm với các lao động bản xứ hoặc lao động đến từ các quốc gia khác.

4. Kết luận

Nói chung, sự tác động của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung và trong bối cảnh thời đại kinh tế tri thức nói riêng lên việc làm và thu nhập có thể hàm chứa nhiều khía cạnh phức tạp. Trong ngắn hạn, nó có thể theo hai xu hướng, cả thuận và nghịch. Một mặt, thông qua việc mở mang các cơ sở công nghiệp, phát triển các cơ sở hạ tầng, thúc đẩy và làm sâu sắc các quá trình phân công lao động xã hội thông qua việc mở rộng, phát triển các quan hệ thị trường, CNH, HĐH sẽ mở ra nhiều cơ hội việc làm mới (với thu nhập cao hơn) cho người lao động. Mặt khác, do sự biến đổi về

cơ cấu kinh tế, đặc biệt là trong điều kiện hội nhập quốc tế và quá trình đô thị hóa, nhiều ngành, nghề truyền thống bị thu hẹp hoặc biến mất, nhiều việc làm sẽ mất đi. Một số người lao động sẽ gặp khó khăn trong quá trình chuyển đổi việc làm. Tuy nhiên, xét về dài hạn, tác động thuận chiều sẽ lấn át tác động nghịch chiều. CNH, HĐH chẳng những là con đường tất yếu để các nước nghèo thúc đẩy phát triển kinh tế, thoát khỏi trạng thái lạc hậu mà còn là phương thức để đáp ứng nhu cầu việc làm đầy đủ cho người lao động./

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Quý Tùng (2001), Kinh tế tri thức — Xu thế mới của xã hội thế kỷ XXI, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Phí Mạnh Hồng (2016), Vai trò của Nhà nước trong thời đại kinh tế tri thức, NXB Đại học quốc gia Hà Nội
3. Lưu Ngọc Trinh (2002), Bước chuyển sang nền kinh tế tri thức của một số nước trên thế giới hiện nay, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Cao Nguyên (2015), “Lời giải cho bài toán phát triển kinh tế tri thức trong nông nghiệp”, Hội thảo “Vai trò của Doanh nghiệp trong phát triển KTTT ở Việt Nam”, Hà Nội
5. Phạm Ngọc Tuấn (2011), “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam”, Tạp chí Sinh hoạt lý luận số 2,
6. Nguyễn Xuân Tế (2008), “Mấy kinh nghiệm về tiếp cận và phát triển kinh tế tri thức trên thế giới”, Tạp chí Khoa học Pháp luật số 2

Điều kiện và mức độ tự chủ tài chính...

Tiếp theo trang 106

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương (2005), Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 30/7/2005 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Chính phủ (2015), Nghị định số: 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014), Quyết định giao dự toán thu, chi NSNN năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014 cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I (2012),

Quyết định số 49/QĐ-HVCT-HCKVI ngày 01/1/2012 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (chính lý và bổ sung) của Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I.

Quốc hội (2012), Luật giáo dục đại học, Luật số: 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012

Vũ Thị Thu Phương (2014), Tự chủ trong luật giáo dục đại học của Việt Nam, Đại học Kinh tế và Tài chính & Hiệp hội các trường đại học tư nhân Việt Nam

Vũ Thị Thanh Thủy (2012), “Quản lý tài chính các trường đại học công lập Việt Nam”, Luận án Kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân

Vũ Thanh Thủy, Vũ Thị Anh Tuyết (2014), Xác định điều kiện tự chủ tài chính tại trường đại học công lập Việt Nam, Số 202(II) tháng 4/2014, Tạp chí Kinh tế, Phát triển